TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-PT
Ngày 30-6-2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí.

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp*".

Do Bản án dân sự phúc thẩm số 04/2021/DS-PT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy toàn bộ Bản án phúc thẩm tại Quyết định giám đốc thẩm số 93/2021/DS-GĐT ngày 20/11/2021 để giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định mở lại phiên tòa số: 17/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị P, sinh năm 1960, cư trú tại: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Bế Quang H và ông Chu Thế V - Luật sư Văn phòng luật sư H - V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ: Số **, đường C, khối *, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Ngô Thị L1, sinh năm 1968, cư trú tại: Thôn C, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Trung V - Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Số **, phố Đ, P4, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đỗ Văn Đ; có mặt;

2. Anh Đỗ Chí T; có mặt;

3. Bà Hoàng Thị V; vắng mặt;

4. Anh Lê Văn Q; vắng mặt;

5. Chị Lê Thị T1; vắng mặt;

6. Chị Lê Thị T2; vắng mặt;

7. Anh Trần Đặng T; có mặt;

8. Bà Hoàng Thị T; vắng mặt;

9. Anh Đinh Thành Đ; vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

10. Anh Lý Văn T; có mặt;

11. Ông Lý Văn N1; có mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

12. Chị Trần Lệ T, cư trú tại: Ngõ *, đường L, khối *, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

13. Anh Trần Lê H; vắng mặt;

14. Anh Trần Nam M; vắng mặt;

15. Ông Vũ Thanh B; vắng mặt;

16. Bà Lê Thị H; vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Đặng T, anh Trần Lê H, anh Trần Nam M, chị Trần Lệ T:* Bà Ngô Thị P, cư trú tại: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền ngày 29/01/2019, giấy ủy quyền ngày 02/5/2019, giấy ủy quyền ngày 20/6/2019).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Ngô Thị L2, cư trú tại: Thôn N, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

2. Anh Ngô Văn N, cư trú tại: Thôn N, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Ngô Thị P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Ngô Thị P trình bày:

Năm 2000, bà và bà Ngô Thị L1 (là em gái của bà P) cùng nhận chuyển nhượng chung một thửa đất của gia đình ông Lý Văn N1 tại P, thôn C, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn với giá 10.000.000 đồng. Ngày 12/4/2000, hai bên lập Giấy nhượng đất nhà ở, người viết giấy là ông Trần Trung O (là chồng của bà P, chết năm 2018), khi đó có mặt bà, ông Lý Văn N1, bà Ngô Thị L1, ông Cam Văn B (chết năm 2015), bà đã trả cho ông Lý Văn N1 4.500.000 đồng trước, còn bà Ngô Thị L1 sẽ trả 5.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ bà P, ông Lý Văn N1 cầm Giấy nhượng đất nhà ở tự đi xuống xã xin xác nhận của ông Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M và đưa bà giữ. Bà khẳng định chỉ có duy nhất 01 bản gốc viết tay Giấy nhượng đất nhà ở ngày 12/4/2000 mà bà đã nộp tại Tòa án. Ngày 02/7/2002 bà Ngô Thị L1 xây nhà trên thửa đất tranh chấp nhưng bà không có ý kiến gì. Tháng 7/2002 bà Ngô Thị L1 nhận chuyển nhượng thêm 180m^2 của bà Hoàng Thị V (chồng là ông Lê Văn T, chết năm 2011), bà cho rằng phần đất mua thêm là đất riêng bà Ngô Thị L1, bà không có yêu cầu gì. Tháng 9/2002, bà phát dọn phần đất giáp nhà ông Đinh T (đã chết, có con trai là Đinh Thành Đ) để chia đất thì phát sinh tranh chấp, đã được Ủy ban nhân dân xã hòa giải nhưng do Giấy chuyển nhượng bị thất lạc nên chưa giải quyết được. Năm 2004, bà tìm được Giấy chuyển nhượng bản gốc nhưng bị rách nhiều chỗ và một bản phô tô nên đã nộp cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L. Năm 2005, bà đã lấy bản gốc giấy chuyển nhượng về, bản phô tô vẫn lưu tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L. Năm 2009, bà Ngô Thị L1 chuyển nhượng và đổi một phần diện tích đất tranh chấp cho bà Lê Thị H, ông Vũ Thanh B. Năm 2011, bà Ngô Thị L1 xây thêm 01 nhà đổ trần diện tích khoảng 60m^2 trên đất tranh chấp và một phần đất đổi với ông Vũ Thanh B. Tháng 8/2011, bà xây nhà cấp 4 khoảng 30m^2 trên đất tranh chấp, khi vừa xây xong thì gia đình bà Ngô Thị L1 đập đi toàn bộ nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Bà Ngô Thị P xác định đất tranh chấp với bà Ngô Thị L1 là 956,3m^2 thuộc các thửa 148, 153, 154, 205 và khởi kiện yêu cầu Tòa án chia cho bà được hưởng phần đất theo tỷ lệ số tiền 4.500.000 đồng bà đã góp tương ứng 430,3m^2, vị trí phần đất yêu cầu là giáp đường Quốc lộ 1A, giáp đất ông Vũ Thanh B (thể hiện là hình gồm các điểm 29, 28, 14, 16, 17, 18) trên sơ đồ khu đất tranh chấp lập ngày 28/5/2020, không yêu cầu bà Ngô Thị L1 phải tháo dỡ công trình nhà ở nhưng phải di dời các cây trồng, chấm dứt hành vi tranh chấp trên đất được chia.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2020, 03/8/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ngô Thị P rút yêu cầu khởi kiện đối thửa 204 và các diện tích còn lại của thửa 205 gồm phần diện tích bà Ngô Thị L1 đã đổi với ông Vũ Thanh B, diện tích thửa 205 đã làm đường quốc lộ 1A, phần diện tích thửa 148 đã xây bức tường ngăn cách giữa gia đình bà Ngô Thị L1 với gia đình anh Đinh Thành Đ.

Bị đơn bà Ngô Thị L1 trình bày:

Đầu năm 2000, biết ông Lý Văn N1 muốn chuyển nhượng thửa đất tại P, thôn C, xã M, thành phố L, đất có nguồn gốc của anh Lý Văn T (là con của ông Lý Văn N1), bà và mẹ đẻ là bà Đinh Thị S trực tiếp đến nhà ông Lý Văn N1 để thỏa thuận việc chuyển nhượng đất, hai bên thống nhất chuyển nhượng đất với giá 10.000.000 đồng và hẹn ông Lý Văn N1 ra nhà bà Ngô Thị P làm giấy tờ mua bán vào ngày 12/4/2000. Người viết giấy chuyển nhượng là ông Trần Trung O (là chồng của bà P, chết năm 2018), tại giấy chuyển nhượng chỉ có bà và ông Lý Văn N1 ký, sau đó ông Lý Văn N1 là người trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã M xin xác nhận, thời điểm này ông Đ là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Mai Pha ký xác nhận vào giấy chuyển nhượng. Sau khi đi xác nhận xong ông Lý Văn N1 đưa lại cho bà Giấy nhượng đất nhà ở, nhưng do không có chỗ ở ổn định nên bà đưa cho bà Ngô Thị P giữ hộ. Nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất là do bà nhờ chị gái ruột là bà Ngô Thị L2 làm thủ tục vay tiền Hội nông dân của xã 6.000.000 đồng; còn 4.000.000 đồng thì chồng bà về quê mượn tiền anh Đỗ Văn X 2.000.000 đồng, Vy Văn H 3.000.000 đồng, sau đó đến năm 2002 vợ chồng bà chuyển nhượng đất ở quê để trừ nợ cho ông Đỗ Văn X, Vy Văn H. Năm 2002, bà nhận chuyển nhượng thêm khoảng 360m^2 đất của bà Hoàng Thị V. Do bà Ngô Thị P nói rằng giấy tờ chuyển nhượng bị mất nên ngày 08/7/2002 bà nhờ ông Lý Văn N1 xác nhận lại việc mua bán. Do không có dấu của Ủy ban nhân dân xã nên đến ngày 07/7/2003 bà nhờ ông Lý Văn N1 viết lại Giấy xác nhận việc mua bán và ông Đ ký xác nhận. Năm 2009, do ông Vũ Thanh B không có đường vào nên bà đổi cho ông Vũ Thanh B một phần thuộc thửa đất tranh chấp giáp đường quốc lộ 1A. Khoảng tháng 8/2011, bà xây nhà cấp 4 nên xảy ra tranh chấp. Ngày 04/8/2011, 07/8/2012, bà Ngô Thị P mới xin xác nhận của ông Lý Văn N1 là đất mua chung nên bà không nhất trí. Việc bà Ngô Thị P cho rằng bản gốc giấy chuyển nhượng ngày 12/4/2000 bị mất sau đó lại tìm thấy thì rách nát chỗ tên người nhận chuyển nhượng là do bà Ngô Thị P cố tình làm rách, bà Ngô Thị P tự ký tên vào cuối giấy chuyển nhượng, ký thời điểm nào thì bà không biết vì bà Ngô Thị P là người giữ giấy.

Bà Ngô Thị L1 xác định không nhận chuyển nhượng chung diện tích đất tranh chấp với bà Ngô Thị P nên bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị P, bà yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ đất tranh chấp như bà vẫn đang quản lý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn T trình bày: Anh có nhận chuyển nhượng mảnh đất vườn đồi thuộc địa danh P thôn C, xã M, thành phố L với ông Lê Văn T, diện tích do hai bên tự đo đạc là 1.280m^2, có giấy chuyển nhượng viết tay. Năm 1999, anh vào Miền Nam, anh có nhờ bố đẻ là ông Lý Văn N1 bán đất, anh không tham gia và không được ký bất kỳ giấy tờ chuyển nhượng nào. Cuối năm 2000, anh mới biết bố anh đã bán đất cho bà Ngô Thị L1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn N1 trình bày: Ngày 12/4/2000, ông được thay mặt con trai chuyển nhượng thửa đất tranh chấp cho

bà Ngô Thị L1, có lập Giấy nhượng đất nhà ở viết tay tại nhà bà Ngô Thị P, người viết là ông Trần Trung O, sau khi viết giấy xong có ông và bà Ngô Thị L1 ký, ông cầm trực tiếp giấy xuống Ủy ban nhân dân xã M xin ông Đ chủ tịch xác nhận việc mua bán. Sau khi xin xác nhận, ông mang giấy về đưa cho bà Ngô Thị L1, sau đó hai ngày thì ông đến nhà mẹ đẻ bà Ngô Thị L1 tại thôn Co Măn lấy 10.000.000 đồng của bà Ngô Thị L1. Về giấy xác nhận ngày 08/7/2002 và 07/7/2003 là do bà Ngô Thị L1 xuống bảo ông viết giấy cho vì đã làm mất giấy tờ mua bán đất viết ngày 12/4/2000 và bà Ngô Thị L1 làm nhà nên cần phải xác nhận của người bán đất thì mới được xây nhà. Về giấy xác nhận ngày 07/8/2012 và đơn gửi Ủy ban nhân dân xã M ngày 04/8/2011 về việc mua bán đất cho hai chị em do ông thiếu hiểu biết và do bà Ngô Thị P phô tô giấy tờ giả vào nhà gặp ông và nói là đất mua bán là tiền của 02 chị em bỏ ra, nên ông đã viết giấy xác nhận để hai chị em về tự chia nhau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Thanh B, bà Lê Thị H trình bày: Năm 2009, gia đình ông bà có được đổi đất với gia đình bà Ngô Thị L1 để thuận tiện cho việc sử dụng. Việc đổi đất này hai bên chỉ quản lý sử dụng trên thực tế, chưa bên nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà Ngô Thị L1 và Ngô Thị P tranh chấp ông bà không có ý kiến, yêu cầu gì đối với phần đất đã đổi với bà Ngô Thị L1, đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị V trình bày: Thửa đất bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị L1 đang tranh chấp, trước đây là do ông Lê Văn T chồng của bà quản lý sử dụng và đã bán cho ông Lý Văn T, sau đó ông Lý Văn N1 (bố ông Lý Văn T) bán cho ai bà không nắm được. Năm 2002, bà được bán cho bà Ngô Thị L1 một phần thửa đất 154, 153 giáp đường quốc lộ 1A, không rõ diện tích cụ thể vì đường quốc lộ đi qua đã thu hồi, chỉ mua bán theo thực tế mà hiện nay bà Ngô Thị L1 đang quản lý sử dụng, đối với diện tích đất đã bán nay bà Ngô Thị L1 sử dụng ổn định trồng cây trên đất bà không có tranh chấp gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Thành Đ, bà Hoàng Thị T trình bày: Gia đình anh Đinh Thành Đ, bà Hoàng Thị T có mảnh đất thửa 148 tờ bản đồ 57 tiếp giáp với đất hiện nay bà Ngô Thị L1 đang quản lý, sử dụng. Thửa 148 trước đây mang tên trong sổ mục kê đất là bố anh là ông Đinh Văn T (Đinh Xuân T) nay gia đình anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên đã xây ranh giới ổn định và không có tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo hiện trạng đã đo đạc tại buổi thẩm định 21/4/2020.

Người làm chứng bà Ngô Thị L2, anh Ngô Văn N trình bày: Bà Ngô Thị L2 là em gái của bà Ngô Thị P và là chị gái của bà Ngô Thị L1, năm 2000 bà biết bà Ngô Thị L1 có ý định mua đất của gia đình nhà ông Lý Văn N1, thời điểm đó bà đang làm Chi Hội trưởng Hội nông dân thôn N, xã M, thị xã L nên bà Ngô Thị L1 nhờ bà làm thủ tục vay vốn hội nông dân 6.000.000 đồng, sau khi lấy được tiền bà mang về đưa cho bố đẻ tại thôn N giữ hộ vì khi đó bà Ngô Thị L1 chưa có nhà ở, hàng tháng bà Ngô Thị L1 đều trả lãi và đã trả xong khoản vay vốn này. Số tiền còn lại chồng bà Ngô Thị L1 về quê ở huyện V, tỉnh

Lạng Sơn bán đất và vay mượn thêm. Việc mua đất với ông Lý Văn N1 là một mình bà Ngô Thị L1 mua và trả tiền 10.000.000 đồng tại nhà bố mẹ đẻ của bà. Không có việc mua chung với bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị P đã có 02 mảnh đất ở thôn M, bà cũng chưa bao giờ nghe nói mua đất làm cây xăng. Anh Ngô Văn N trình bày: Anh là em trai ruột của hai bà Ngô Thị P, Ngô Thị L1, anh được biết có sự việc bà Ngô Thị L1 trả tiền mua đất tại P cho ông Lý Văn N1 tại nhà bố mẹ đẻ của anh vào năm 2000, cụ thể giao nhận anh không được chứng kiến vì khi đó anh đang làm cơm tối dưới bếp.

Người làm chứng ông Nông Văn Q trình bày: Năm 2000 ông có mảnh đất đồi cần san lấp, ông đã thuê đội công nhân làm đường múc đất đem đi đổ và có bà Ngô Thị P xin đất đổ vào đất đối diện bên kia đường quốc lộ 1A khoảng 1 ngày, có khoảng 1-2 chiếc xe chở đất, cụ thể bao nhiêu xe, khối lượng bao nhiêu thì ông không nắm được, ông không được bán đất cho bà Ngô Thị P, không nắm được đất bên đường quốc lộ 1A là của ai, không thấy có tranh chấp gì.

Người làm chứng ông Đỗ Đình X, ông Vi Văn H trình bày: Năm 2000 ông Đỗ Đình X được cho ông Đỗ Văn Đ vay 2.000.000 đồng, ông Vi Văn H cho ông Đỗ Văn Đ vay 3.000.000 đồng để ông Đỗ Văn Đ mua đất ở thành phố. Sau đó năm 2002 do không có nhu cầu sử dụng đất và không có tiền trả ông Đỗ Văn Đ đã bán lại đất ở quê cho các ông, đến nay các ông không có tranh chấp gì.

Người làm chứng ông Phan Thanh L trình bày: Quá trình công tác ông được ký xác nhận vào giấy xin xác nhận đề ngày 04/8/2011 và ngày 07/8/2012. Đối với hai giấy xác nhận này ông chỉ ký xác nhận người viết giấy là công dân xã và chữ ký của người viết là ông Lý Văn N1, Cam Văn B, Nông Văn Q trên giấy xác nhận ngoài ra ông không xác nhận nội dung nào khác.

Người làm chứng ông Đ trình bày: Ông là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M từ năm 1995 đến tháng 6/2004, trong thời gian công tác ông có được trực tiếp ký xác nhận vào giấy chuyển nhượng đất giữa ông Lý Văn N1 với bà Ngô Thị L1. Năm 2000 ông Lý Văn N1 có đến nhà ông nói chuyện được con trai là Lý Văn T đang ở miền Nam ủy quyền đứng ra bán đất cho bà Ngô Thị L1 cùng thôn với giá 10.000.000 đồng và nhờ ông xác nhận, sau đó thì ông Lý Văn N1 đến Ủy ban nhân dân xã đưa giấy nhượng đất nhà ở để chính quyền địa phương xác nhận, do đã biết việc mua bán đất của các bên và giấy chuyển nhượng cũng thể hiện đúng nội dung là ông Lý Văn N1 bán đất của anh Lý Văn T cho bà Ngô Thị L1 với giá 10.000.000 đồng. Lần thứ hai, ông được ký xác nhận lại việc chuyển nhượng đất của anh Lý Văn T cho bà Ngô Thị L1 do giấy trước đã bị mất, thực tế đúng như vậy nên ông đã ký xác nhận lại sự việc này. Không có việc ông ký xác nhận ông Lý Văn N1 thay mặt Lý Văn T bán đất cho bà Ngô Thị P như bản phô tô mà Phòng tài nguyên và môi trường thành phố đã cho ông xem trước đây. Tuy ông không nhớ được cụ thể nội dung xác nhận nhưng ông khẳng định chỉ ký xác nhận ông Lý Văn N1 thay mặt Lý Văn T bán đất cho bà Ngô Thị L1 với giá 10.000.000 đồng.

Ngày 21/4/2020, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định: Đất tranh chấp có diện tích 956,3m^2 thuộc địa danh

Thôn C, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Đất tranh chấp có giá trị là 3.500.000 đồng/m^2. Tài sản trên đất có: 02 nhà loại 3A, 01 nhà tạm, sân xi măng, mái lợp proximăng, tường rào gạch bê tông, 40 cây chuối, 03 cây sung, 02 cây si, 140 cây đào đường kính 2-5cm, 10 cây đào đường kính 5-10cm, 01 cây quất hồng bì, 03 cây chanh, 02 cây sưa, 02 cây quất, 04 cây mít, 02 cây đu đủ, 01 cây ổi, 65 cây mác mật đường kính 2-5cm, 03 cây mắc mật đường kính 5-10cm. Tổng giá trị tài sản trên đất là 183.073.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 24-8-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị P đối với: Diện tích 115,3m^2 thuộc một phần thửa 204 ký hiệu R,11,12,13,N (thửa 204.1); diện tích 3,9m^2 ký hiệu G,F,20 (thửa 205.5); diện tích 11,9 m^2 ký hiệu H,21,10,R (thửa 205.6); diện tích 37,7m^2 đất ký hiệu 9,10,R,N,14,19 (thửa 205.2); diện tích 134,3m^2 đất ký hiệu 14,15,22,23,24,N (thửa 205.7); diện tích 349,1m^2 ký hiệu M,16,15,22,25,26,27 (thửa 205.8) thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ 57 bản đồ địa chính xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất tranh chấp do nguyên đơn bà Ngô Thị P tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị P: Đối với diện tích tranh chấp 956,3m^2 đất mua chung và yêu cầu được chia 430,3m^2 (là hình nối các điểm ký hiệu 29, 28, 14, 16, 17, 18) trong tổng số đất tranh chấp thuộc một phần các thửa 148, 153, 154, 205 tờ bản đồ 57 Bản đồ địa chính xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu di dời tài sản, chấm dứt hành vi tranh chấp trên đất yêu cầu được chia.

Bà Ngô Thị L1 được quyền quản lý sử dụng đất đang tranh chấp 956,3m^2 tại thôn C, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm 02 nhà loại 3A, 01 nhà tạm, sân xi măng, mái lợp proximăng, tường rào gạch bê tông, cùng các cấy cối trên đất thuộc một phần các thửa 148, 153, 154, 205 tờ bản đồ 57 bản đồ địa chính xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (là hình nối các điểm 3, 4,5,6,7,8,9,19,14,15,16,17,18), mảnh đất trên có các phía tiếp giáp như sau: Phía đông giáp quốc lộ 1A, có độ dài cạnh 14,78m+5,72m+16,03m+28,41m; phía tây giáp đất ông Vũ Thanh B, ông Đinh Thành Đ đang quản lý, sử dụng, có độ dài cạnh 27,48m+5,84m+16,67m; phía bắc giáp đất ông Đinh Thành Đ đang quản lý, sử dụng, có độ dài cạnh 2,95m+11,44m+8,5m; phía nam giáp đất ông Vũ Thanh B đang quản lý, sử dụng (có sơ họa thửa đất theo mảnh trích đo số 10-2020 hệ tọa độ VN2000, thôn C, xã M, thành phố L, tờ số 57 (415.475-2-c) ngày 28/5/2020 kèm theo)...

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí và về quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn bà Ngô Thị P kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, giao cho bà Ngô Thị P quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp là 430,3m² tương ứng với số tiền đã

góp mua chung 4.500.000 đồng, yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị L1 di dời tàn sản trên đất mà bà được quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Ngô Thị P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ đất tranh chấp cho bà Ngô Thị L1 là không đúng thực tế, vì: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ khẳng định có việc mua đất chung giữa hai người, thể hiện giấy tờ mua bán bản gốc nộp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường, giấy này có tên bà P và bà L1 và có chữ ký của hai người; giao dịch giữa ông N1, bà P và bà L1 đã hoàn thành; ông N1 có bản tường trình có mặt của Chủ tịch xã thể hiện việc bán đất cho hai người; Kết luận giám định (BL: 828, 829) thể hiện bản photocopy là được sao từ bản gốc không thể xác định được *dòng chữ "Ngô Thị P" ... chữ ký ghi họ tên Ngô Thị P ... của bản photocopy Giấy nhượng đất nhà ở ngày 12/4/2000... và chữ ký ghi họ tên Ngô Thị P... tại trang 2 của bản gốc Giấy nhượng đất nhà ở ngày 12/4/2000 ... được viết, ký ở thời điểm nào, có phải được viết, ký thêm, chèn thêm vào hay không";* các tài liệu, báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường đều thể hiện có việc giữa bà P, bà L1 mua chung đất với ông N1. Mặt khác lời khai của bà L1 có nhiều mâu thuẫn; trong quá trình sử dụng bà P đã tiến hành đổ đất; ông N1 tại một số lời khai và giấy xác nhận đều thừa nhận bà P, bà L1 mua chung đất với nhau; bà P là người trả tiền lãi Ngân hàng. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị P, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị P, công nhận một phần quản lý của bà P đối với thửa đất 205 và xem xét chia diện tích đất mặt đường hợp lý cho hai bên; giải quyết chi phí tố tụng theo quy định.

Bị đơn bà Ngô Thị L1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không nhất trí với nội dung kháng cáo của nguyên đơn và cho rằng: Diện tích đất tranh chấp qua lời khai của ông Lý Văn N1 đều khẳng định chỉ bán cho một mình bà L1 và bà L1 là người trả tiền cho ông N1 10.000.000 đồng tại nhà mẹ đẻ của bà L1; lời khai của ông Đ là Chủ tịch xã lúc bấy giờ đều khẳng định, xác nhận chỉ có một mình bà L1 mua đất với ông N1 và không có chuyện xác nhận anh Lý Văn T bán đất cho bà P và bà L1. Hơn nữa việc mua bán là do chồng bà P viết giấy mua bán sau đó giấy mua bán được giữ lại tại nhà bà P nên có điều kiện để chồng bà P viết chèn thêm tên bà P vào giấy mua bán và bà P ký tên vào là có căn cứ; giấy xác nhận ngày 07/7/2003 ông N1 xác nhận việc bán đất cho bà L1 và có xác nhận của chính quyền xã; những người làm chứng là bà L2, ông N2 đều xác nhận việc này; sau khi mua đất, quá trình sử dụng đều do một mình bà L1 quản lý sử dụng và đã tiến hành làm nhà trên đất và đã trồng các loại cây lâu năm từ năm 2003. Từ đó có căn cứ khẳng định ông N1 là người thay mặt con trai chuyển nhượng đất tranh chấp cho một mình bà L1. Cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà P được quyền quản lý, sử dụng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Ngô Thị P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ

thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 24-8-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lý Văn N1 có mặt tại phiên tòa khẳng định ông chỉ bán đất đang tranh chấp cho một mình bà L1, không có chuyện bán đất cho hai người như bà P trình bày và ông được nhận tiền 10.000.000 đồng của bà L1 tại nhà mẹ đẻ của bà L1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; có đương sự vắng mặt nhưng đã có ủy quyền, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết kháng cáo: Tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: Kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị P trong thời hạn luật định, căn cứ Điều 273, 274 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo là hợp lệ.

Quan điểm của Viện kiểm sát đối với kháng cáo như sau:

Nguyên đơn bà Ngô Thị P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cho bà Ngô Thị P quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 430,3m^2 tương ứng với số tiền đã góp mua chung 4.500.000 đồng, yêu cầu bị đơn Ngô Thị L1 di dời tài sản, công trình trên đất bà P được quản lý sử dụng.

Đất tranh chấp có nguồn gốc là của anh Lý Văn T mua với ông Lê Văn T và một phần diện tích bà Ngô Thị L1 mua với bà Hoàng Thị V.

Quá trình giải quyết vụ án, bà P xuất trình bản gốc giấy chuyển nhượng ngày 12/4/2000 không còn nguyên vẹn, rách nát nhiều chữ không đọc được; Bản phô tô Giấy nhượng đất nhà ở ngày 12/4/2000 bà nộp theo biên bản giao nhận ngày 26/11/2004 cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L, theo bà P, bản này được phô tô từ bản chính trước khi bị rách nát, có nội dung ông N1 thay mặt anh T chuyển nhượng đất cho bà P, bà L1, có chữ ký của cả bà P, bà L1 dưới mục người mua. Còn theo bà L1 ông N1 chỉ bán đất cho riêng bà L1, do giấy nhượng đất là ông O, chồng bà P viết nên khi bà gửi ở nhà bà P vợ chồng bà P đã viết thêm vào. Quá trình hai bên tranh chấp, năm 2011, 2012 ông N1 xác nhận được bán đất cho cả hai chị em bà P, bà L1, tuy nhiên hiện nay ông khẳng định chỉ được bán đất cho bà L1, những lời khai trước đây là do bà P nhờ ông, do ông không hiểu biết nên đã xác nhận hai chị em mua chung đất, nay ông khẳng định chỉ bán cho bà L1. Tại kết luận giám định số 170/GĐKTHS-P11 ngày 18/8/2020 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng đã kết luận: Cụm từ bị nhòe dưới mục "Xác nhận của UBND xã" tại cuối trang hai của bản phô tô giấy nhượng đất và nhà ở ngày 12/4/2000 có nội dung "*Xác nhận sự thỏa thuận chuyển nhượng đất ở như trên chị Ngô Thị L1 có quyền quản lý, sử dụng và làm nghĩa vụ đối với nhà nước*". Nội dung kết luận này khẳng định ông

N1 chỉ chuyển nhượng đất cho bà L1, phù hợp với lời khai của ông N1, lời khai của người làm chứng ông Đ nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M khẳng định ông chỉ xác nhận trong giấy chuyển nhượng nội dung ông N1 thay mặt anh T bán đất cho bà L1; phù hợp với lời khai khách quan của những người làm chứng bà L2, ông N2 đều là anh chị em ruột của bà P, bà L1. Cũng như quá trình quản lý sử dụng đất tranh chấp bà L1 đã xây nhà trên đất năm 2002, đổi đất với ông B, mua thêm đất với bà V nhưng bà P đều không có ý kiến gì. Như vậy Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ, bà P kháng cáo yêu cầu được quản lý, sử dụng 430,3m^2 đất tranh chấp tương ứng với số tiền đã góp mua chung đất 4.500.000 đồng và yêu cầu bà L1 di dời tài sản trên đất là không có căn cứ, cơ sở chấp nhận.

Bà Ngô Thị P là người cao tuổi được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngô Thị P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 24/8/2020 của TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng họ đã có ủy quyền, có đơn xin xét xử vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị P yêu cầu được quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp là 430,3m² tương ứng với số tiền đã góp mua chung 4.500.000 đồng; yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị L1 di dời tài sản trên đất mà bà được quản lý, sử dụng, xét thấy:

[3] Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp do nhận chuyển nhượng của anh Lý Văn T (do ông Lý Văn N1 là bố của anh T đại diện ký giấy chuyển nhượng). Việc nhận chuyển nhượng đất được thể hiện dưới hình thức giấy viết tay "*Giấy nhượng đất nhà ở*" lập ngày 12/4/2000 tại nhà nguyên đơn, người viết giấy là ông Trần Trung O; khi lập giấy có mặt nguyên đơn, bị đơn, ông Lý Văn N1; giá chuyển nhượng đất là 10.000.000 đồng. Sau khi viết giấy chuyển nhượng, ông Lý Văn N1 đi xin xác nhận của ông Đ, nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M tại thời điểm lập giấy chuyển nhượng. Giấy chuyển nhượng bản gốc do nguyên đơn giữ.

[4] Bản gốc "*Giấy nhượng đất nhà ở*" ngày 12/4/2000 (BL522) nay đã không còn nguyên vẹn, nhiều chữ thể hiện nội dung quan trọng về việc chuyển nhượng đất đã bị rách, không đọc được. Nguyên nhân giấy chuyển nhượng bị rách, nguyên đơn cho rằng trong quá trình quản lý do để trên nóc tủ, bị vôi vữa khi làm nhà rơi xuống nên hỏng giấy tờ gốc. Nguyên đơn cho rằng có phô tô 04 bản từ bản gốc chưa bị rách, nhưng do để tất cả trên nóc tủ nên 03 bản phô tô cũng bị vôi vữa rơi vào đã hỏng, chỉ còn 01 bản phô tô còn nguyên vẹn tên

người nhận chuyển nhượng, chữ ký bà Ngô Thị P và xác nhận của chính quyền địa phương. Ngày 26/11/2004, nguyên đơn đã nộp bản gốc đã bị rách và 01 bản phô tô còn các nội dung nguyên vẹn cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L (BL: 680,745,765).

[5] Tại Kết luận giám định số 170/GĐKTHS-P11 của Phòng Kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng kết luận (BL828): "*Không có đủ cơ kết luận dòng chữ "Ngô Thị P" tại dòng thứ 10 từ trên xuống trang 1, chữ ký ghi họ tên Ngô Thị P tại dòng thứ 7 từ trên xuống tại trang 2 của bản photocopy Giấy nhượng đất nhà ở ngày 12/4/2000 (Ký hiệu A1) và chữ ký ghi họ tên Ngô Thị P tại dòng thứ 7 từ trên xuống tại trang 2 của bản gốc Giấy nhượng đất nhà ở ngày 12/4/2000 (Ký hiệu A2) được viết, ký ở thời điểm nào, có phải được viết, ký thêm, chèn thêm vào hay không*". Tuy nhiên, cụm từ bị nhòe dưới mục "*Xác nhận của UBND xã*" tại cuối trang 2 của giấy chuyển nhượng giám định được có nội dung: "*Xác nhận sự thỏa thuận chuyển nhượng đất ở như trên chị Ngô Thị L1 có quyền quản lý sử dụng và làm nghĩa vụ đối với nhà nước*" đã thể hiện nội dung xác nhận của chính quyền địa phương là người nhận chuyển nhượng đất chỉ có bà Ngô Thị L1. Điều này phù hợp với lời trình bày của ông Đ, nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M tại biên bản xác minh ngày 18/6/2020, ông xác định không có việc ông ký xác nhận ông Lý Văn N1 thay mặt anh Lý Văn T chuyển nhượng đất cho bà Ngô Thị P như bản phô tô mà Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L cho ông xem trước đây, ông khẳng định chỉ ký xác nhận ông Lý Văn N1 thay mặt anh Lý Văn T chuyển nhượng đất cho bà Ngô Thị L1 với giá 10.000.000 đồng.

[6] Những người làm chứng bà Ngô Thị L2, ông Ngô Văn N2 là anh chị em ruột của bà Ngô Thị P và bà Ngô Thị L1, trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều khẳng định không có việc nhận chuyển nhượng đất chung giữa bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị L1. Lời khai của bà Ngô Thị L2 tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2020 cũng phù hợp với lời khai của bà Ngô Thị L1 về nguồn tiền bà Ngô Thị L1 trả cho ông Lý Văn N1 là do bà Ngô Thị L2 đứng ra vay của Hội Nông dân xã 6.000.000 đồng. Lời khai của ông Đỗ Văn X và ông Vi Văn H tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2020 cũng phù hợp với lời khai của bà Ngô Thị L1 về việc ông Đỗ Văn Đ (chồng bà Ngô Thị L1) về quê mượn tiền anh Đỗ Văn X 2.000.000 đồng, Vi Văn H 3.000.000 đồng để trả cho ông Lý Văn N1 10.000.000 đồng; sau đó không có tiền trả, ông Đỗ Văn Đ đã chuyển nhượng đất ở quê cho anh Vi Văn H để trả nợ, việc này có lập Giấy chuyển nhượng đất nương ngày 22/7/2002 và có xác nhận của chính quyền địa phương.

[7] Trong quá trình giải quyết tranh chấp đất tại Ủy ban nhân dân các cấp và tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Lý Văn N1 đều khẳng định chỉ bán đất cho một mình bà Ngô Thị L1 (BL:198,276). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lý Văn N1 một lần nữa khẳng định là người trực tiếp thay mặt cho con trai chuyển nhượng đất và chỉ bán cho một mình bà Ngô Thị L1.

[8] Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ xác định ông Lý Văn N1 thay mặt anh Lý Văn T chuyển nhượng chung thửa đất 205 cho bà Ngô

Thị P và bà Ngô Thị L1. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị P. Bản án dân sự sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn và công N1hận quyền quản lý của bị đơn là có căn cứ.

[9] Đối với các thửa đất 148.2, 148.3, 153.2, 154.1, 154.2 có tổng diện tích là 264,8 m^2 mà bà Ngô Thị P trong quá trình xem xét thẩm định tại chỗ xác định đưa vào tranh chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy, diện tích đất này là do riêng bà Ngô Thị L1 mua của bà Hoàng Thị V và một phần thuộc đất của anh Đinh Thành Đ. Các phần đất này không liên quan đến thửa đất 205. Do vậy bà Ngô Thị P yêu cầu được gộp chung để chia là không có căn cứ chấp nhận. Diện tích đất trong thửa 205 còn lại là 691,5 m^2 trong đó thửa đất ký hiệu tạm 205.4 có diện tích 227,4 m^2, phần đất này năm 2009 bà Ngô Thị L1 đã đem đổi với ông Vũ Thanh B, nay ông B không có ý kiến, yêu cầu gì đối với phần đất đã đổi với bà Ngô Thị L1, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Do đó Tòa án tạm thời vẫn công nhận quyền quản lý, sử dụng diện tích đất này cho bên được quyền quản lý, sau này nếu ông B có yêu cầu thì do hai bên tự thỏa thuận để làm thủ tục kê khai đối với Nhà nước.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, nguyên đơn bà Ngô Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng do bà Ngô Thị P là người cao tuổi và có yêu cầu xin được miễn án phí. Nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Ngô Thị P, trả lại cho bà Ngô Thị P số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với nội dung kháng cáo là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị P; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 24-8-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

1.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị P đối với: Diện tích 115,3m^2 thuộc một phần thửa 204 ký hiệu R,11,12,13,N (thửa 204.1); diện tích 3,9m^2 ký hiệu G,F,20 (thửa 205.5); diện tích 11,9 m^2 ký hiệu H,21,10,R (thửa 205.6); diện tích 37,7m^2 đất ký hiệu 9,10,R,N,14,19 (thửa 205.2); diện tích 134,3m^2 đất ký hiệu 14,15,22,23,24,N (thửa 205.7); diện tích 349,1m^2 ký hiệu M,16,15,22,25,26,27 (thửa 205.8) thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ 57 bản đồ địa chính xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất tranh chấp do nguyên đơn bà Ngô Thị P tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị P: Đối với diện tích tranh chấp 956,3m^2 đất mua chung và yêu cầu được chia 430,3m^2 (là hình nối các điểm ký hiệu 29, 28, 14, 16, 17, 18) trong tổng số đất tranh chấp thuộc một phần các thửa 148, 153, 154, 205 tờ bản đồ 57 bản đồ địa chính xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu di dời tài sản, chấm dứt hành vi tranh chấp trên đất yêu cầu được chia.

Bà Ngô Thị L1 được quyền quản lý sử, dụng đất đang tranh chấp 956,3m^2 tại thôn C, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm 02 nhà loại 3A, 01 nhà tạm, sân xi măng, mái lợp proximăng, tường rào gạch bê tông, 40 cây chuối, 03 cây sung, 02 cây si, 140 cây đào đường kính 2-5cm, 10 cây đào đường kính 5-10cm, 01 cây quất hồng bì, 03 cây chanh, 02 cây sưa, 02 cây quất, 04 cây mít, 02 cây đu đủ, 01 cây ổi, 65 cây mác mật đường kính 2-5cm, 03 cây mắc mật đường kính 5-10cm thuộc một phần các thửa 148, 153, 154, 205 tờ bản đồ 57 bản đồ địa chính xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (là hình nối các điểm 3, 4,5,6,7,8,9,19,14,15,16,17,18), mảnh đất trên có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía đông giáp quốc lộ 1A, có độ dài cạnh 14,78m + 5,72m + 16,03m + 28,41m.

- Phía tây giáp đất ông Vũ Thanh B, ông Đinh Thành Đ đang quản lý, sử dụng, có độ dài cạnh 27,48m + 5,84m + 16,67m.

- Phía bắc giáp đất ông Đinh Thành Đ đang quản lý, sử dụng, có độ dài cạnh 2,95m + 11,44m + 8,5m.

- Phía nam giáp đất ông Vũ Thanh B đang quản lý, sử dụng.

Có sơ họa thửa đất theo mảnh trích đo số 10-2020 hệ tọa độ VN2000, thôn C, xã M, thành phố L, tờ số 57 (415.475-2-c ngày 28/5/2020 kèm theo.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Ngô Thị L1 có quyền và nghĩa vụ thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

1.3. Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị P phải chịu 24.122.000 đồng (hai mươi tư triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác nhận bà Ngô Thị P đã thi hành. Bà Ngô Thị L1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định 3.650.000 đồng (ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), xác nhận đã thi hành.

1.4. Về án phí: Bà Ngô Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước, số tiền trên được trừ vào tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/02998 ngày 24/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Bà Ngô Thị P được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại

bà Ngô Thị P 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002370 ngày 14/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSNDTP thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vi Đức Trí